TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH TRỊ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2025/HS-ST
Ngày 24-3-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH TRỊ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Nghiệp

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hoành

Ông Ngô Văn Tân

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Huệ Chi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tại - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 08/2025/TLST-HS ngày 28 tháng 02 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2025/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 3 năm 2025 đối với bị cáo:

Huỳnh Thị T, sinh ngày 15/12/1997 tại huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Nơi cư trú: Ấp X, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: Lớp 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Hoàng A và bà Trần Thị D; có chồng tên Huỳnh Thuận V và 02 người con lớn sinh năm 2016 và nhỏ sinh năm 2022; tiền án không, tiền sự không, nhân thân không có án tích. Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 19/11/2024 đến nay (bị cáo có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Luật sư Huỳnh Thị Diệu O – Văn Phòng L2 – thuộc Đoàn Luật sư tỉnh S (có mặt).

Địa chỉ: Số I T, Phường A, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị hại:*

1. Bà Trần Thị X, sinh năm 1948 (vắng mặt).

2. Ông Trương Văn H, sinh năm 1938 (vắng mặt).

Ông Trương Văn H là người đại diện theo uỷ quyền của bà Trần Thị X theo hợp đồng uỷ quyền ngày 07/11/2024.

Địa chỉ: Ấp C, thị trấn H, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại ông Trương Văn H:* Ông Nguyễn Vũ P – Trợ giúp viên pháp lý – thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh S (có mặt).

Địa chỉ: Số A H, Phường F, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Trương Thị Mỹ H1 (B), sinh năm 1987 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Ông Trương Hoàng L, sinh năm 1976 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

3. Ông Nguyễn Đức M, sinh năm 1984 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số F K, phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Ông Đoàn Việt Q, sinh năm 1996 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp M, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

5. Ông Trần Ngọc C, sinh năm 1997 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Huỳnh Thị T cùng con gái Huỳnh Ngọc Khánh L1 (sinh năm 2022) chung sống cùng với ông bà ngoại của bị cáo là ông Trương Văn H và bà Trần Thị X tại ấp C, thị trấn H, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Quá trình sống chung T biết bà X có tiền và vàng cất trong cặp quần áo để trên đầu giường ngủ nên T nảy sinh ý định lấy trộm.

Vào khoảng 16 giờ 00 phút ngày 20/8/2024, lợi dụng lúc ông H đang tưới cây ở phía sau nhà, T lấy lý do nhờ bà X ra giữ giùm cái lu chứa nước để T đi lấy nước rửa lu. Sau đó T lén lút vào trong nhà đi đến đầu giường ngủ của bà X nơi để cái cặp quần áo, bị cáo kéo ngăn nhỏ của cái cặp thì phát hiện túi vải bằng da, màu tím bên trong có chứa tiền và vàng nên T lấy túi vải bỏ vào túi nilon màu trắng rồi đem đi cất

trên giường ngủ của T, cất xong T đi ra tiếp tục rửa lu nước với bà X. Sau đó, T lấy tiền và vàng vừa trộm được cầm trên tay rồi ẵm con đi bộ ra hướng lộ đal, sau đó bắt xe đi lên thành phố Cần Thơ để lẫn trốn. Khi đi đến thành phố Cần Thơ thì T thuê nhà nghĩ để ngủ qua đêm. Tại đây, T mở túi vải vừa trộm được ra xem thì thấy bên trong có 02 xấp tiền loại tờ tiền 500.000 đồng, mỗi xấp là 10.000.000 đồng và 02 chiếc nhẫn vàng 916. Sau khi có tiền thì T đem 20.000.000 đồng chuyển vào tài khoản ngân hàng của T, cùng ngày T chuyển cho ông Trần Ngọc C mượn số tiền 10.000.000 đồng, T chuyển trả nợ cho ông Đoàn Việt Q 600.000 đồng và T tiêu sài cá nhân hết 2.400.000 đồng.

Sau khi phát hiện mất tài sản gia đình của ông H và bà X đăng tin tìm T trên các trang mạng xã hội (Facebook, Y…) nên T nhắn tin với bà Trương Thị Mỹ H1 (con ruột bà X) yêu cầu gỡ bỏ bài đăng tìm T thì T sẽ gửi trả lại số tiền và vàng đã lấy trộm thì được bà H1 đồng ý.

Đến ngày 04/9/2024, T đem 02 chiếc nhẫn vàng 916 trộm được đem đi đến một tiệm vàng (không nhớ rõ tên, địa chỉ) tại Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh, bán được với số tiền 27.000.000 đồng. Sau khi bán vàng được 27.000.000 đồng cùng với 17.000.000 đồng T tiêu xài còn dư lại thì T đến tiệm cầm đồ của ông Nguyễn Đức M (tại quận B, Thành phố Hồ Chí Minh) nhờ chuyển khoản cho bà H1 với tổng số tiền là 44.000.000 đồng để trả lại tiền cho ông H và bà X. Ngày 19/9/2024, T đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đầu thú hành vi trộm cắp tài sản của ông H và bà X.

Tại Kết luận định giá tài sản số 24/KL-HĐĐGTS, ngày 31/10/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T, kết luận: 04 (bốn) chỉ vàng 916 có giá là 26.800.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 08/CT-VKS-TT ngày 28/02/2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Trị truy tố bị cáo Huỳnh Thị T về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố giữ nguyên quan điểm truy tố, phân tích, đánh giá các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Huỳnh Thị T phạm tội "Trộm cắp tài sản". Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, i, n, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm i khoản 1 Điều 52, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo mức án từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo với thời gian thử thách từ 02 năm đến 03 năm. Về trách nhiệm dân sự bị cáo phải tiếp tục bồi thường cho bị hại 2.800.000 đồng. Về án phí bị cáo phải chịu theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng Viện kiểm sát

đã truy tố, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Quá trình điều tra bị hại đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt số tiền 44.000.000 đồng và không yêu cầu gì thêm. Về trách nhiệm hình sự xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo Luật sư Huỳnh Thị Diệu O và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị hại Trợ giúp viên pháp lý Nguyễn Vũ P đều thống nhất cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố và thống nhất các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà Viện kiểm sát đã đề nghị đối với bị cáo, Luật sư O đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự, cho bị cáo được hưởng án treo. Trợ giúp viên pháp lý Nguyễn Vũ P đề nghị xét xử bị cáo mức án 01 năm 06 tháng tù cho hưởng án treo.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận với bản luận tội của Viện kiểm sát, tại lời nói sau cùng trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố: Điều tra viên, Kiểm sát viên, cơ quan điều tra và cơ quan Viện kiểm sát trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng và cơ quan quan tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt bị hại bà Trần Thị X, ông Trương Văn H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trương Thị Mỹ H1, ông Trương Hoàng L, ông Nguyễn Đức M và ông Đoàn Việt Q. Xét thấy, quá trình điều tra những người nêu trên đã cung cấp lời khai cho cơ quan điều tra và việc vắng mặt không cản trở việc xét xử, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự vẫn tiến hành xét xử.

[3] Về hành vi phạm tội của bị cáo, tại phiên tòa hôm nay cũng như trong quá trình điều tra, bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai bị hại, biên bản hiện trường, kết luận định giá tài sản và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Nên có đủ cơ sở kết luận do

muốn có tiền tiêu xài, nên vào khoảng 16 giờ 00 phút ngày 20/8/2024, bị cáo Huỳnh Thị T đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của ông Trương Văn H và bà Trần Thị X tại ấp C, thị trấn H, huyện T, tỉnh Sóc Trăng với số tiền là 20.000.000 đồng và 04 chỉ vàng 916 có giá là 26.800.000 đồng. Tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt là 46.800.000 đồng. Do đó, hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Nên Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Trị truy tố bị cáo theo tội danh và điều luật trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Hành vi của bị cáo tuy mức độ nguy hiểm cho xã hội không lớn, nhưng đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp.

[5] Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy rằng: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo trộm cắp tài sản của bị hại bà Trần Thị X 76 tuổi và ông Trương Văn H 86 tuổi, thuộc tình tiết phạm tội đối với người đủ 70 tuổi trở lên được quy định tại điểm i khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ, quá trình điều tra và tại phiên toà bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bị hại, đến thời điểm xét xử bị cáo là phụ nữ mang thai 14 tuần tuổi, được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo đầu thú, bị cáo học vấn thấp, nhận thức pháp luật còn hạn chế, nên Hội đồng xét xử áp dụng cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, điểm i, điểm n, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Từ những nhận định nêu trên, căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm của tội phạm, đồng thời có xét đến nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo Hội đồng xét xử thấy rằng: Bị cáo có nhân thân tốt, ngoài lần phạm tội này có chấp hành chính sách, pháp luật và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của công dân nơi cư trú, có 04 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 và các tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, có nơi cư trú rõ ràng, được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt. Xét thấy không bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù, thì bị cáo cũng có khả năng tự cải tạo, nên không cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú giám sát, giáo dục cũng đủ sức răn đe bị cáo, đồng thời thể hiện tính nhân đạo và tính khoan hồng của pháp luật, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 65 Bộ luật Hình sự cho bị cáo được hưởng án treo.

[7] Về trách nhiệm dân sự, mặc dù bị hại không yêu cầu gì thêm, nhưng tại phiên toà bị cáo đồng ý tiếp tục bồi thường số tiền 2.800.000 đồng, xét thấy không trái pháp luật và đạo đức xã hội, nên Hội đồng xét xử ghi nhận buộc bị cáo có nghĩa vụ bồi thường cho bị hại số tiền 2.800.000 đồng.

[8] Về án phí: Bị cáo là người bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng và án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng theo quy định pháp luật.

[9] Từ những phân tích nêu trên toàn bộ đề nghị của Viện kiểm sát về áp dụng pháp luật, mức hình phạt, xử lý vật chứng và án phí là có căn cứ, đúng quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Đề nghị của người bào chữa cho bị cáo và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị hại về áp dụng pháp luật là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm b, điểm i, điểm n, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm i khoản 1 Điều 52, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 584, Điều 585 và Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Huỳnh Thị T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt: Bị cáo Huỳnh Thị T 01 (một) năm tù, nhưng cho hưởng án treo với thời gian thử thách 02 (hai) năm kể từ ngày tuyên án ngày 24/3/2025.

Giao bị cáo Huỳnh Thị T cho Ủy ban nhân dân xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Huỳnh Thị T có nghĩa vụ bồi thường cho bị hại bà Trần Thị X và ông Trương Văn H số tiền 2.800.000 đồng.

Kể từ ngày người có quyền có đơn yêu cầu thi hành án dân sự đối với người phải thi hành án nếu chưa trả được số tiền phải thi hành án thì phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Buộc bị cáo Huỳnh Thị T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với người vắng mặt trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân nơi cư trú yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Thạnh Trị;
- Công an tỉnh Sóc Trăng (Cơ quan điều tra, Bộ phận hồ sơ nghiệp vụ, CQTHAHS);
- CCTHADS huyện Thạnh Trị;
- Bị cáo; Bị hại, NLQ;
- Lưu hồ sơ vụ án, hồ sơ THAHS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thành Nghiệp